

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày: 25-02-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trương Hồng Thắm; bà Nguyễn Thị Mùa**

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Ông Dương Xuân Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐ-XX ngày 07 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đoàn Ngọc A (tên gọi khác: Rô), sinh năm 1992, tại Bình Phước; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ĐỐ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn B, sinh năm 1965 và bà Đào Thị C, sinh năm 1972; bị cáo có vợ là bà Phạm Thị D, sinh năm 1997 và 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 08 tháng 11 năm 2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phan Khắc Đ (tên gọi khác: Không), sinh năm 1983, tại Bình Dương; nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn DT, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Khắc E, sinh năm 1957 và bà Lê Thị Tuyết F, sinh năm 1964; bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn và 01 người con sinh năm 2008; tiền án: Ngày 28 tháng 01 năm 2024 phạm tội đánh bạc, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 60.000.000 đồng theo bản án sơ thẩm số: 56/2024/HS-ST (chưa thi hành), tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 25 tháng 12 năm 2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Quách Hớn G (tên gọi khác: Không), sinh năm 1975, tại Bình Phước; nơi cư trú: Khu phố 3, phường TM, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Hán H (đã chết) và bà Châu Tân I, sinh năm 1952; bị cáo có vợ là bà Nguyễn Thị Nguyệt K, sinh năm 1977 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 03 tháng 6 năm 2007, phạm tội đánh bạc, đến ngày 28 tháng 01 năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Phước Long (cũ) xử phạt 6.000.000 đồng (Bản án số 08/2008/HSST), thi hành xong ngày 15 tháng 4 năm 2008; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 08 tháng 11 năm 2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn L (tên gọi khác: Nho), sinh năm 1992, tại Bình Phước; nơi cư trú: Khu phố 1, phường TM, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1961 và bà Mai Thị N, sinh năm 1968; bị cáo có vợ là bà Võ Thị Thu O, sinh năm 1993 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 14 tháng 01 năm 2014 phạm tội cố ý làm hư hỏng tài sản, đến ngày 18 tháng 6 năm 2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo (Bản án số 27/2014/HSST đã thi hành xong); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 08 tháng 11 năm 2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Phan Việt P (tên gọi khác: Không), sinh năm 1990, tại Bình Phước; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thành Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1962; bị cáo không có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 08 tháng 11 năm 2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Lý Thành S (tên gọi khác: Không), sinh năm 1983, tại Bình Phước; nơi cư trú: Khu phố 3, phường PB, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý T (đã chết) và bà Lâm Thị U (đã chết); bị cáo có vợ là bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1997 và 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 08 tháng 11 năm 2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Ông Lê Xuân X, sinh năm 1985; cư trú: Khu phố 2, phường TM, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

2. Ông Đặng Hồng Y, sinh năm 1998; cư trú: Thôn 7, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 31 tháng 10 năm 2024; Quách Hón G, Lý Thành S, Nguyễn L và Phan Khắc Đ cùng đi đến nhà của Đoàn Ngọc A ở thôn ĐL, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước để chơi. Tại đây, A rủ mọi người chơi lắc bầu cua thắng thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Sau đó, A lấy bộ bầu cua trong nhà ra làm cái cho tất cả cùng tham gia đánh bạc, mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến 400.000 đồng, khoảng 21 giờ thì có Phan Việt P cũng đến và tham gia chơi cùng, tất cả đánh bạc đến 23 giờ 30 phút giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Bù Gia Mập phối hợp với Công an xã ĐƠ phát hiện, lập biên bản phạm tội quả tang. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Bù Gia Mập, tất cả đều khai nhận đánh bạc bằng hình thức lắc bầu cua và số tiền thắng thua như sau:

Về hình thức đánh bạc được các bị cáo thống nhất quy ước là ngồi vây quanh một tấm bạt hình chữ nhật được chia thành 06 ô vuông đều nhau và xếp theo hai hàng có in hình các con vật là bầu, cua, tôm, cá, gà và nai sẽ được A xóc đồng thời cùng lúc và kết quả được giữ kín. Các con bạc bắt đầu đặt cược vào một hoặc nhiều biểu tượng đã có sẵn trong cùng một lượt chơi. Khi việc đặt cược đã hoàn thành, A sẽ mở ra và thông báo hình các biểu tượng xuất hiện. Nếu trong ba hột bầu cua xuất hiện biểu tượng mà người chơi đã đặt cược tiền trước đó thì A sẽ phải trả lại số tiền mà người chơi đã đặt cược và trả thêm tiền thưởng bằng với số lần biểu tượng đó xuất hiện nhân với số tiền cược, ngược lại nếu hình biểu tượng không xuất hiện thì nhà cái sẽ thắng toàn bộ số tiền đặt cược. Quá trình điều tra xác định các bị cáo sử dụng số tiền vào mục đích đánh bạc như sau:

A có 12.500.000 đồng và sử dụng hết số tiền trên vào mục đích đánh bạc. Đến khi bị bắt, A đã giấu toàn bộ số tiền đang có dưới gầm máy giặt, không biết thắng hay thua.

S mang theo số tiền 200.000 đồng, đánh bạc được khoảng 03 ván thì thua hết tiền nên S vay của G số tiền 1.800.000 đồng để chơi tiếp nhưng G chỉ cho S vay 1.200.000 đồng, còn 600.000 đồng là tiền G góp để chơi chung với S. Sau đó G đưa tiền để S chơi còn G ngồi ngoài giữ tiền. Trong quá trình đánh bạc S thắng nên đã đưa cho G giữ 3.800.000 đồng còn S cầm 700.000 đồng để đánh bạc và thua hết số tiền trên.

G mang theo số tiền 6.800.000 đồng để tham gia đánh bạc. Lúc bắt đầu chơi, G lấy 1.800.000 đồng để góp đánh chung với S và ăn chia theo tỉ lệ 2:1 (*nghĩa là nếu thắng S nhận 02 phần, G nhận 01 phần và nếu thua thì ngược lại*). Trong lúc đánh bạc G thấy S thắng và đưa cho G cất giữ tổng số tiền 3.800.000 đồng. G ngồi ngoài xem và lấy tiền của mình ra đánh được 02 ván (*trong đó có một ván thắng và 01 ván thua*) nên G không đánh nữa mà ngồi giữ tiền. Trong quá trình đánh bạc, G lấy ra 70.000 đồng để mua đồ ăn nên khi bị bắt quả tang G còn lại số tiền 8.730.000 đồng.

L mang theo số tiền 4.500.000 đồng và trả nợ 2.000.000 đồng. Số tiền còn lại 2.500.000 đồng, L sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Quá trình chơi đã thua 700.000 đồng nên khi bị bắt quả tang chỉ còn lại 1.800.000 đồng.

Đ mang theo số tiền 1.300.000 đồng và sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc. Kết quả, Đ thua hết số tiền mang theo và tiếp tục ngồi xem đánh bạc cho đến khi bị bắt quả tang.

P mang theo số tiền 910.000 đồng và lấy ra 900.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang đã thua hết 600.000 đồng, còn 300.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 24.200.000 đồng.

Vật chứng thu giữ, gồm:

Số tiền 24.200.000 đồng; 01 bộ lắc bầu cua gồm 01 tấm bạt kích thước (40x50)cm có 06 hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà trên mặt; 03 quân xí ngầu; một cai đĩa bằng kim loại màu trắng; 01 hộp bằng bìa cứng màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A53; 01 điện thoại di động nhãn hiệu sam sung A31; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A9.

Tại Bản cáo trạng số 04/CTr-VKS ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố các bị cáo A, S, G, L, Đ, P về tội: “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ Luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 35 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo A từ 60.000.000 - 70.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; 50; 58; 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đ từ 09 - 12 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 35 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo G từ 50.000.000 - 60.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 35 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo L từ 50.000.000 - 60.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 35 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo P từ 50.000.000 - 60.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 35 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo S từ 50.000.000 - 60.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự

Xử phạt đối với bị cáo Đ từ 20.000.000 – 25.000.000 đồng.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù gia Mập còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, cụ thể là:

Đối với bộ lắc bầu cua không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 24.200.000 đồng, quá trình điều tra xác định số tiền này của các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A53; 01 điện thoại di động nhãn hiệu sam sung A31; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A9 xét thấy không liên quan đến vụ án nên ngày 27 tháng 12 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Gia Mập đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại điện thoại cho các bị cáo nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 04/CTr-VKS ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã truy tố.

[2.1] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, thấy phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản thu giữ tài sản, vật chứng vụ án, Kết luận điều tra cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nhằm mục đích thắng thua bằng tiền từ việc đánh bạc nên khoảng 16 giờ ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại nhà của bị cáo A thì bị cáo đã khởi xướng rồi chuẩn bị các dụng cụ để đánh bạc ăn tiền bằng hình thức lắc bầu cua với các bị cáo S, G, L, Đ và P. Quá trình đánh bạc, đến 21 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Bù Gia Mập phối hợp với Công an xã Đăk Ô kiểm tra và phát hiện, lập Biên bản phạm tội quả tang. Quá trình điều tra xác định các bị cáo đã đánh bạc với tổng số tiền là 24.200.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 321 của Bộ luật Hình sự 2015.

[2.2] Do đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội mà không có sự bàn bạc từ trước. Chính bị cáo A là người khởi xướng rủ rê, chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hành làm cái, còn các bị cáo G, S, L, Đ, P là người tham gia thực hành đánh bạc bằng hình thức lắc bầu cua. Cụ thể là khoảng 16 giờ ngày 31 tháng 10 năm 2024, các bị cáo G, S, L và Đ cùng đi đến nhà của bị cáo A để chơi. Tại đây, bị cáo A rủ mọi người chơi lắc bầu cua thắng thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Sau đó, bị cáo A lấy bộ bầu cua trong nhà ra làm cái cho tất cả cùng tham gia đánh bạc, mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến 400.000 đồng. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì có bị cáo P cũng đến và tham gia chơi cùng.

Quá trình điều tra, xác định số tiền mà các bị cáo mang theo và sử dụng vào việc đánh bạc như sau:

Bị cáo A có 12.500.000 đồng và sử dụng hết số tiền trên vào mục đích đánh bạc. Đến khi bị bắt, bị cáo đã giấu toàn bộ số tiền đang có dưới gầm máy giặt, không biết thắng hay thua.

Bị cáo S mang theo số tiền 200.000 đồng, đánh bạc được khoảng 03 ván thì thua hết tiền nên bị cáo vay của bị cáo G số tiền 1.800.000 đồng để chơi tiếp nhưng bị cáo G chỉ cho bị cáo S vay 1.200.000 đồng, còn 600.000 đồng là tiền bị cáo G góp để chơi chung với bị cáo S. Sau đó bị cáo G đưa tiền để bị cáo S chơi còn bị cáo G ngồi ngoài giữ tiền. Trong quá trình đánh bạc bị cáo S thắng nên đã đưa cho bị cáo G giữ 3.800.000 đồng, còn bị cáo S cầm 700.000 đồng để đánh bạc và thua hết số tiền trên.

Bị cáo G mang theo số tiền 6.800.000 đồng để tham gia đánh bạc. Lúc bắt đầu chơi, bị cáo G lấy 1.800.000 đồng để góp đánh chung với bị cáo S và ăn chia theo tỉ lệ 2:1 (*nghĩa là nếu thắng bị cáo S nhận 02 phần, bị cáo G nhận 01 phần và nếu thua thì ngược lại*). Trong lúc đánh bạc, bị cáo G thấy bị cáo S thắng và có đưa cho bị cáo G cất giữ tổng số tiền 3.800.000 đồng. bị cáo G ngồi ngoài xem và lấy tiền của mình ra đánh được 02 ván (*trong đó có một ván thắng và 01 ván thua*) nên G không đánh nữa mà ngồi giữ tiền. Trong quá trình đánh bạc, bị cáo G lấy ra 70.000 đồng để mua đồ ăn nên khi bị bắt quả tang bị cáo G còn lại số tiền 8.730.000 đồng.

Bị cáo L mang theo số tiền 4.500.000 đồng và trả nợ 2.000.000 đồng. Số tiền còn lại 2.500.000 đồng L sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Quá trình chơi đã thua 700.000 đồng nên khi bị bắt quả tang chỉ còn lại 1.800.000 đồng.

Bị cáo Đ mang theo số tiền 1.300.000 đồng và sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc. Kết quả, Đ thua hết số tiền mang theo và tiếp tục ngồi xem đánh bạc cho đến khi bị bắt quả tang.

Bị cáo P mang theo số tiền 910.000 đồng và lấy ra 900.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang đã thua hết 600.000 đồng và còn lại 300.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 24.200.000 đồng.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, trong quá trình thực hiện tội phạm, các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Mặc dù biết rõ việc “Đánh bạc” là vi phạm pháp luật, nhưng vì

mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền một cách nhanh chóng mà các bị cáo đã thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh của khu dân cư. Hành vi đó còn là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm chiếm đoạt tài sản để có tiền đánh bạc.

Hơn nữa trong vụ án này, riêng bị cáo Đ là người từng có 01 tiền án chưa được xóa án tích, cụ thể là ngày 28 tháng 01 năm 2024 phạm tội đánh bạc, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 60.000.000 đồng theo bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HS-ST (*chưa thi hành*) nên lần phạm tội này bị cáo Đ phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật hình sự và phải chịu mức án cao hơn so với các bị cáo khác; bị cáo G là người có nhân thân xấu, cụ thể là ngày 03 tháng 6 năm 2007, phạm tội đánh bạc, đến ngày 28 tháng 01 năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Phước Long (*cũ*) xử phạt 6.000.000 đồng (*Bản án số 08/2008/HSST*), thi hành xong ngày 15 tháng 4 năm 2008 đã được xóa án tích; bị cáo L là người có nhân thân xấu, cụ thể là ngày 14 tháng 01 năm 2014 phạm tội cố ý làm hư hỏng tài sản, đến ngày 18 tháng 6 năm 2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo (*Bản án số 27/2014/HSST*) đã được xóa án tích, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho mình mà lần này các bị cáo tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Vì vậy tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo A, G, S, L, Đ, P về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, cần xử các bị cáo một mức án nghiêm nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo A, G, S, L, P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa hoặc không có tiền án, tiền sự; bị cáo Đ thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

[3] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng đối với bị cáo Đ; không áp dụng đối với các bị cáo A; G; L; P; S.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với bộ lắc bầu cua không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 24.200.000 đồng là số tiền của các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A53; 01 điện thoại di động nhãn hiệu sam sung A31; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A9 xét thấy không liên quan đến vụ án nên ngày 27 tháng 12 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Gia Mập đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại điện thoại cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[5] Đối với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo **Đoàn Ngọc A** (tên gọi khác: *Rô*); **Phan Khắc Đ** (tên gọi khác: *Không*); **Quách Hớn G** (tên gọi khác: *Không*); **Nguyễn L** (tên gọi khác: *Nho*) **Phan Việt P** (tên gọi khác: *Không*); **Lý Thành S** (tên gọi khác: *Không*) phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 35 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Đoàn Ngọc A số tiền là 70.000.000 (*bảy mươi triệu*) đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; 50; 58; 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Phan Khắc Đ 01 (*một*) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ vào thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 25 tháng 12 năm 2024 .

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 35 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Quách Hớn G số tiền là 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 35 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Nguyễn L số tiền là 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 35 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Phan Việt P số tiền là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 35 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Lý Thành S số tiền là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng.

Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Khắc Đ số tiền là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

3. Về vật chứng của vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bộ lắc bầu cua.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền 24.200.000 đồng.

(Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0008930, ngày 22 tháng 01 năm 2025 và Biên lai thu tiền số 0004125 ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập).

4. Về án phí HSST:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Đoàn Ngọc A, Phan Khắc Đ, Quách Hón G, Nguyễn Kha, Phan Việt P, Lý Thành S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước (1);
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Phước (2)
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập(01);
- Cơ quan Thi hành án hình sự Bù Gia Mập (01);
- Người tham gia tố tụng (08);
- Lưu hồ sơ; Văn thư (02);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VĂN PHÚ VINH